| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 04/2019/QĐST-DS | *B, ngày 04 tháng 04 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST-DS, ngày 15/01/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 27/3/2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn K – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh Khu công nghiệp Đ.

Địa chỉ: Khu trung tâm điều hành Khu công nghiệp Đ, xã H, huyện V, tỉnh B.

**+ Bị đơn:** Ông Lê Đức C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh B.

**2**. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Đức C còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/3/2019 là 304.445.250đồng,( trong đó nợ gốc là 270.000.000đ, nợ lãi là 34.445.250đ) theo hai hợp đồng tín dụng cụ thể:

Hợp đồng tín dụng vay số 2502LAV201502098 ngày 15/10/2015 nợ gốc là 150.000.000đồng nợ lãi là 25.586.250đồng

Hợp đồng tín dụng vay số 2502LAV201600240 ngày 04/02/2016 nợ gốc là 120.000.000đồng nợ lãi là 8.859.000đồng

Ông Lê Đức Cvà Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB thống nhất ông Lê Đức Ctrả cho Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB toàn bộ số tiền của hai hợp đồng là 304.445.250đồng (trong đó nợ gốc là 270.000.000đồng, nợ lãi là 34.445.250đồng tính đến ngày 27/3/2019) và toàn bộ lãi phát sinh sau ngày 27/3/2019 đến ngày 27/5/2019.

Đến ngày 27/5/2019 ông Lê Đức Ckhông thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB toàn bộ số tiền trên thì Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản ông Cđã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ của ông Ctheo quy định pháp luật, cụ thể:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX420856, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01263-QĐ số 507/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 27/01/2015 đứng tên hộ ông Thân Văn Khánh (ông Lê Đức Cnhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Thân Văn Khánh được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B chỉnh lý nội dung về người sử dụng đất trên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/8/2015 và đính chính lại nội dung về chứng minh nhân dân trên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2015) tại thửa đất số 05; tờ bản đồ số 25; địa chỉ thửa đất: Thôn Phúc Thượng, xã Song Mai, thành phố B; diện tích 612,8m2, hình thức sử dụng: Riêng 612,8m2, chung: Không; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn (ONT) 300m2, đất trồng cây lâu năm (CLN): 312,8m2; thời hạn sử dụng: Đất ở lâu dài, đất trồng cây lâu năm sử dụng đến 15/10/2043; nguồn gốc sử sụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2015108303/HĐTC ngày 15/10/2015 ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB – phòng giao dịch số 103 và ông Lê Đức Cương).

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA736418, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01708/QĐ số 3217/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 10/9/2015 đứng tên ông Lê Đức Ctại thửa đất số 298; tờ bản đồ số 03; địa chỉ thửa đất: Thôn Phúc Thượng, xã Song Mai, thành phố B; diện tích 11.446,6m2, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất; thời hạn sử dụng: Sử dụng đến 15/10/2043; nguồn gốc sử sụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2015108302/HĐTC ngày 15/10/2015 ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB – phòng giao dịch số 103 và ông Lê Đức Cương.

2.2. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng phải

trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

2.3. Về án phí:

Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp ĐB phải chịu 3.805.500đ (Ba triệu, tám trăm linh năm nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000192, ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Xác nhận Ngân hàng đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí còn lại là 5.289.500đ (Năm triệu hai trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng)

Ông Lê Đức Cphải chịu 3.805.500đ (Ba triệu, tám trăm linh năm nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**3**. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Hải Hường**